TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 04/2019/QĐST-HNGĐ	*Nam Định, ngày 25 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Phạm Thị Mai Anh

Thư ký phiên họp: Bà Đinh Thị Thanh Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên họp: Bà Phạm Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 04/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 về việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Trần Xuân B, sinh năm 1974

Nơi cư trú: Số xx đường P, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N

Địa chỉ: Số xx đường P, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lương Thị Thu P - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N.

2. Chị Đỗ Thị Bích A, sinh năm 1976

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số xxx đường T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định

Nơi cư trú: Số xxx đường P, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định

3. Anh Trần Hải C, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Số xxx đường P, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định

(Anh Xuân B, chị A, anh C có mặt; đại diện Ủy ban nhân dân phường T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt tại phiên họp)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

1. Tại đơn yêu cầu ngày 11-6-2019, bản tự khai ngày 17-6-2019 và tại phiên họp, người yêu cầu là anh Trần Xuân B trình bày:

Tháng 12-2018 anh có tổ chức lễ cưới với vợ là chị Phạm Thị H. Vợ chồng anh đã ra Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Nam Đ để làm thủ tục đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn được vì được Ủy ban thông báo là anh đã đăng ký kết hôn với chị Đỗ Thị Bích A vào năm 1999. Sau đó anh được biết năm 1999 em trai anh là Trần Hải C đã tự ý lấy tên của anh là Trần Xuân B để đi đăng ký kết hôn với chị Đỗ Thị Bích A tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N. Việc anh C lấy tên của anh đi đăng ký kết hôn với chị A anh không biết. Từ thời gian đó đến nay em trai anh vẫn chung sống cùng vợ là Đỗ Thị Bích A. Nay gia đình đã tổ chức lễ cưới cho anh và chị Phạm Thị H nhưng vợ chồng anh không đăng ký kết hôn được. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của anh, anh đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị Đỗ Thị Bích A theo giấy đăng ký kết hôn số xx ngày 09-01-1999 của Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N.

2. Tại bản tự khai ngày 24-6-2019, người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Nam Định trình bày:

Qua kiểm tra Sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 1999 hiện đang lưu giữ tại Ủy ban nhân dân phường T thể hiện: Ngày 09-01-1999 anh Trần Xuân B, sinh ngày 03-10-1974 và chị Đỗ Thị Bích A, sinh ngày 20-9-1976 làm thủ tục đăng ký kết hôn, có tờ khai xin đăng ký kết hôn lần thứ nhất có xác nhận của Công ty D và Công ty b. Ngày 31-5-2004 Ủy ban nhân dân phường T cấp giấy chứng nhận kết hôn (đăng ký lại) số xx, quyển số 01/xxxx cho anh Trần Hải C, sinh năm 1976 và chị Đỗ Thị Bích A, sinh năm 1976. Qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại Ủy ban nhân dân phường T có sổ đăng ký lại nhưng không còn lưu hồ sơ xin đăng ký kết hôn lại. Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N đề nghị Tòa án giải quyết việc dân sự về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật theo quy định của pháp luật.

3. Tại bản tự khai ngày 17-6-2019 và tại phiên họp, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Hải C trình bày:

Vào năm 1994 anh chưa đủ 18 tuổi để xin việc vào Công ty D nhưng vì kinh tế gia đình khó khăn, anh có nhu cầu đi làm nên anh đã lấy tên của anh trai anh là Trần Xuân B để làm hồ sơ xin việc. Trong thời gian làm tại Công ty, anh có tìm hiểu và kết hôn với chị Đỗ Thị Bích A. Vì không hiểu biết pháp luật và để thống nhất với tên khi xin việc nên anh đã lấy tên của anh trai anh là Trần Xuân B để đi đăng ký kết hôn. Anh và chị A đã ra Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N để làm thủ tục đăng ký kết hôn. Khi làm thủ tục đăng ký kết hôn anh đã không viết và ký tên của anh là Trần Hải C mà viết và ký tên là Trần Xuân B. Sau đó Ủy ban nhân dân phường T đã cấp cho vợ chồng anh Giấy chứng nhận kết hôn số xx ngày 09-01-1999 tên chồng là Trần Xuân B, tên vợ là Đỗ Thị Bích A. Việc anh lấy tên của anh Trần Xuân B để đăng ký kết hôn với chị A anh Trần Xuân B và chị A không biết. Đến năm 2004 anh và chị A đi đăng ký kết hôn lại để làm giấy khai sinh cho con chung và đã được Ủy ban nhân dân phường cấp lại giấy đăng ký kết hôn theo đúng tên của anh. Trong quá trình đăng ký kết hôn lại anh đã nộp bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số xx ngày 09-01-1999 tên Trần Xuân B và Đỗ Thị Bích A cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N. Nay anh Trần Xuân B yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật anh nhất trí.

4. Tại bản tự khai ngày 17-6-2019 và tại phiên họp, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đỗ Thị Bích A thống nhất như lời trình bày của anh Trần Hải C.

5. Tại kết luận giám định số 677/KLGĐ-PC09 ngày 08-7-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Trần Xuân B dưới mục "Nam ký tên" trên tài liệu cần giám định (Giấy khai đăng ký kết hôn có chứng nhận của Công ty D đề ngày 28-12-1998, giấy khai đăng ký kết hôn có chứng nhận của Công ty b đề ngày 28-12-1998) so với chữ ký, chữn viết đứng tên Trần Hải C trên tài liệu mẫu (Bản tự khai ngày 17-6-2019 của anh Trần Hải C, Biên bản giao nhận tài liệu, chứng cứ ngày 17-6-2019 của anh Trần Hải C) là do cùng một người ký, viết ra.

6. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định phát biểu quan điểm: Đề nghị Tòa án căn cứ Điều 6 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 367; Điều 369; Điều 370 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 2 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân Tối cao- Viện kiểm sát nhân dân Tối cao- Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số qui định của Luật hôn nhân và gia đình: chấp nhận yêu cầu của anh Trần Xuân B, hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Trần Xuân B và chị Đỗ Thị Bích A theo theo giấy chứng nhận kết hôn số xx ngày 09-01-1999 của Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Nam Định nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đại diện Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Nam Định có đơn đề nghị xin giải quyết việc dân sự vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án mở phiên họp theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của người yêu cầu: Tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 09-01-1999 anh Trần Hải C và chị Đỗ Thị Bích A tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N nhưng tại các giấy tờ thủ tục để đăng ký kết hôn anh Trần Hải C đã lấy tên anh trai là Trần Xuân B để đăng ký kết hôn với chị Đỗ Thị Bích A. Anh Trần Xuân B mặc dù có tên trong tờ khai đăng ký kết hôn và giấy chứng nhận kết hôn nhưng anh không phải là người đăng ký kết hôn, không tự nguyện kết hôn với chị A. Chị Đỗ Thị Bích A cũng không biết anh C lấy tên người khác để đăng ký kết hôn. Việc anh Trần Xuân B không tự nguyện kết hôn với chị A nhưng anh Trần Hải C lấy tên anh Trần Xuân B để đăng ký kết hôn với chị A vi phạm Điều 6 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Nay anh Trần Xuân B yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị Đỗ Thị Bích A theo giấy chứng nhận kết hôn số xx ngày 09-01-1999 của Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N; căn cứ Điều 6 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 367; Điều 369; Điều 370 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 2 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân Tối cao- Viện kiểm sát nhân dân Tối

cao- Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số qui định của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh Trần Xuân B.

[3] Về lệ phí sơ thẩm: Anh Trần Xuân B là người yêu cầu nên phải nộp lệ phí Tòa án theo quy định pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 6 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 367; Điều 369; Điều 370 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của anh Trần Xuân B.

2. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Đỗ Thị Bích A và anh Trần Xuân B theo giấy chứng nhận kết hôn số xx ngày 09-01-1999 của Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Trần Xuân B phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh đã nộp tại biên lai số 0002310 ngày 11-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

4. Quyền kháng cáo: Anh Trần Xuân B, anh Trần Hải C, chị Đỗ Thị Bích A có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Nam Định có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND phường T, TP. N;
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS thành phố Nam Định;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phạm Thị Mai Anh